

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-PT

Ngày 06 - 4 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Phương Đông;

Ông Nguyễn Trung Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con;

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 216/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm 1988; cư trú tại: Số 43/3/X, Khu phố Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A: Bà Nguyễn Thị A, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; nơi làm việc: Văn phòng Luật sư P; địa chỉ: Tổ T, Khu Q, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Lâm Thái H, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 26, Tổ X, Khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thúy A - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A trình bày:

Bà và ông Lâm Thái H tự nguyện kết hôn vào năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là phường P, thành phố B) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 118 ngày 10/4/2008. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã nhiều lần khuyên can ông H nhưng ông H không thay đổi; từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H không còn quan tâm và lo lắng cho gia đình. Bà và ông H đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, không còn khả năng hàn gắn tình cảm. Bà xác định tình cảm không còn, nên yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Thái H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông H có 02 con chung. Con thứ nhất tên Lâm Đăng K, sinh ngày 30/12/2008 (chết ngày 30/10/2019); con thứ hai tên Lâm Đăng Q, sinh ngày 06/12/2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q; tạm thời, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà là chủ cơ sở kinh doanh mát-xa và bấm huyệt, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lâm Thái H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn, tài sản chung và nợ chung. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu; từ giữa năm 2019, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do bà Thúy A bỏ nhà đi sống cùng người đàn ông khác tại phường P, thành phố B và dẫn theo hai con chung đi cùng; ông H có ngăn cản nhưng không được. Tháng 10 năm 2019, cháu Lâm Đăng K đi mua đồ ăn sáng cho bà Thúy A và em trai, trên đường về bị tai nạn giao thông mất. Sau đó, bà Thúy A chuyển về sinh sống tại phường T, thành phố B. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn; do đó, bà Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là cháu Lâm Đăng K (đã mất năm 2019) và cháu Lâm Đăng Q, sinh ngày 06/12/2015. Hiện nay, cháu Q đang sinh sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Q; tạm thời, không yêu cầu bà Thúy A cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, ông là chủ cơ sở kinh doanh mát-xa và bấm huyệt, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 216/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thúy A.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy A và ông Lâm Thái H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Lâm Đăng Q, sinh ngày 06/12/2015 cho ông Lâm Thái H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời bà A không phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Nguyễn Thúy A có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.
- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Ngày 03-9-2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao con chung cho bà A được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

5. Phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, do bà Nguyễn Thị Anh trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

Trên cơ sở các chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm, đã được Hội đồng xét xử công khai tại phiên tòa. Việc giao cháu Lâm Đăng Q cho ông Lâm Thái H nuôi dưỡng là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và sửa bản án sơ thẩm.

6. Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6.2. Quan điểm đối với kháng cáo:

Kiểm sát viên đã phát biểu, đánh giá về vụ án; kết luận cấp sơ thẩm giải quyết là chưa có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm và giao con chung cho bà Nguyễn Thúy A nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn kháng cáo phần con chung. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và được cấp sơ thẩm giải quyết phù hợp pháp luật; do đó, không đặt ra xem xét và giải quyết tại cấp phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”; tuy nhiên, nguyên đơn có 02 yêu cầu khởi kiện “ly hôn và tranh chấp về nuôi con”; căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp phúc thẩm bổ sung thêm quan hệ pháp luật cho đầy đủ.

[3] Về kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú, là người có khiếm khuyết về thị giác, công việc chính là mát-xa và bấm huyệt; cùng có mức thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thúy A có góp vốn kinh doanh sản xuất gấu bông với người khác, nên thu nhập có phần cao hơn ông Lâm Thái H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp Vi bằng số: 11/2021/VB-TPLLT do Văn phòng Thừa phát lại L lập ngày 29-3-2021, cùng với dữ liệu ghi

hình và âm thanh; các chứng cứ này, được công khai tại phiên tòa phúc thẩm và được bị đơn xác nhận là đúng. Nội dung như sau:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, qua điện thoại, nghe thấy cháu Lâm Đăng Q quấy khóc và đòi ở với mẹ, nên bà Thúy A có xin ông H cho cháu về ở với bà.

- Lúc 15 giờ 20 phút ngày 29-3-2021, theo yêu cầu của ông H, bà Thúy A mang cháu Q về lại cho ông H, có sự chứng kiến của Thừa phát lại bà Lê Thị Quỳnh N; thể hiện:

“Khi xuống xe, cháu Q luôn ôm lấy bà A (mẹ cháu) không buông. Khi vào đến nhà gặp ông H, biểu hiện của cháu Q đã khóc nức, ôm lấy mẹ không rời và không muốn ở với ba. Khi được hỏi cháu có đồng ý về với ba hay không, cháu đã trả lời “không” nhiều lần và chứng kiến được việc người nhà của ông H lên tiếng hù dọa “lấy cây đánh cháu”. Sau khi giao cháu Q cho ông H, bà A ra về đã khóc nghẹn vì phải rời xa con”.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn còn cung cấp Sổ tiết kiệm có kỳ hạn, bà Thúy A gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần P - Chi nhánh Đồng Nai ngày 30-3-2021, với số tiền 350.000.000 đồng; Giấy xác nhận có chữ ký của những người biết sự việc bà Thúy A trực tiếp nuôi con từ khi ly thân ông H; hồ sơ bà Thúy A mua bảo hiểm cho cháu Lâm Đăng Q từ năm 2013, với số tiền quyền lợi bảo hiểm cơ bản là 500.000.000 đồng.

Xét thấy: Cháu Lâm Đăng Q tuổi còn nhỏ, rất cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ; cùng với chứng cứ mới nêu trên, chấp nhận kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao con chung cho nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa, cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thúy A;

Sửa về phần nuôi con do khách quan, đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 216/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Áp dụng: Các Điều 9, 11 và 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 56, 57, 58, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; quy định về án phí nêu trên (Mục [4]);

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thúy A.

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thúy A với ông Lâm Thái H.

- Giấy chứng nhận kết hôn số: 118; Quyền số: 02/07, do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) cấp ngày 10-4-2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Giao cháu Lâm Đăng Q, sinh ngày 06/12/2015 cho bà Nguyễn Thúy A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc ông Lâm Thái H giao cháu Lâm Đăng Q cho bà Nguyễn Thúy A theo quyết định của bản án này.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, ông Lâm Thái H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lâm Thái H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lâm Đăng Q mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Án phí:

5.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thúy A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Thúy A đã nộp theo Biên lai Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007779 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

5.2. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thúy A không phải chịu; trả lại bà Thúy A số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai Thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006617 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

6. Thi hành bản án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành